

Số:

*Kon Tum, ngày tháng năm*

Về việc giới thiệu một số quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong phòng, chống dịch Covid – 19 và một số quy định khác có liên quan

Kính gửi:

- Các sở, ban ngành thuộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 2520/VP-NC ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hướng dẫn một số quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong công tác phòng, chống dịch Covid – 19; Sở Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị có liên quan ban hành văn bản giới thiệu một số quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong công tác phòng, chống dịch Covid - 19 và một số quy định khác có liên quan, cụ thể như sau:

**I. Một số hành vi vi phạm hành chính có liên quan đến phòng, chống dịch Covid – 19, căn cứ pháp lý và mức xử phạt**

*1. Che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời khi phát hiện người khác mắc bệnh truyền nhiễm theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.*

- Căn cứ pháp lý: Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế (*gọi tắt là Nghị định số 117/2020/NĐ-CP*).

- Mức phạt: Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

*2. Không thực hiện xét nghiệm theo yêu cầu của cơ quan y tế có thẩm quyền trong quá trình thực hiện giám sát bệnh truyền nhiễm; không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ về giám sát bệnh truyền nhiễm theo quy định của pháp luật; che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời hiện trạng bệnh truyền nhiễm của bản thân, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.*

- Căn cứ pháp lý: Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Mức xử phạt: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

3. Che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời hiện trạng bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A<sup>(1)</sup> của bản thân hoặc của người khác mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A; cố ý khai báo, thông tin sai sự thật về bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A; cố ý làm lây lan tác nhân gây bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.

- Căn cứ pháp lý: Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Mức xử phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

4. Không khai báo hoặc khai báo không trung thực diễn biến bệnh truyền nhiễm của bản thân với thầy thuốc, nhân viên y tế; không đăng ký theo dõi sức khỏe với trạm y tế xã, phường, thị trấn nơi cư trú của người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A sau khi ra viện hoặc kết thúc việc điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

- Căn cứ pháp lý: Điểm a, điểm b, khoản 1 Điều 10 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Mức xử phạt: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

5. Không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về y tế khi phát hiện môi trường có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A, người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A, người bị nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A, người mang mầm bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.

- Căn cứ pháp lý: Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Mức xử phạt: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

6. Từ chối hoặc trốn tránh việc áp dụng quyết định cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A đối tượng kiểm dịch y tế biên giới mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A hoặc khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

- Căn cứ pháp lý: Điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 11 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Mức xử phạt: Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện việc cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế.

7. Không thực hiện biện pháp bảo vệ cá nhân đối với người tham gia chống dịch và người có nguy cơ mắc bệnh dịch theo hướng dẫn của cơ quan y tế.

- Căn cứ pháp lý: Điểm a, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Mức xử phạt: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

---

<sup>1</sup>Điều 3 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007; Quyết định số 447/QĐ-TTg ngày 01/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 219/QĐ-BYT ngày 29/01/2020 của Bộ Y tế thì bệnh viêm đường hô hấp cấp gây dịch Covid-19 là bệnh truyền nhiễm nhóm A.

8. *Che dấu tình trạng bệnh của mình hoặc của người khác khi mắc bệnh truyền nhiễm đã được công bố là có dịch.*

- Căn cứ pháp lý: Điểm a, khoản 2 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Mức xử phạt: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

9. *Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng có nguy cơ làm lây truyền bệnh dịch tại vùng có dịch.*

- Căn cứ pháp lý: Điểm a, khoản 3 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Mức xử phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

10. *Không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp cấm kinh doanh, sử dụng loại thực phẩm là trung gian truyền bệnh; không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp hạn chế tập trung đông người hoặc tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh, dịch vụ tại nơi công cộng.*

- Căn cứ pháp lý: Điểm b, điểm c khoản 3 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Mức xử phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

11. *Không thực hiện quyết định kiểm tra, giám sát, xử lý y tế trước khi ra vào vùng có dịch thuộc nhóm A.*

- Căn cứ pháp lý: Điểm a, khoản 4 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Mức xử phạt: Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

12. *Không thực hiện yêu cầu kiểm tra và xử lý y tế đối với phương tiện vận tải trước khi ra khỏi vùng có dịch trong tình trạng khẩn cấp về dịch.*

- Căn cứ pháp lý: Điểm a khoản 5 và điểm d, khoản 6 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Mức xử phạt: Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc xử lý y tế phương tiện vận tải.

13. *Không thực hiện quyết định cấm tập trung đông người tại vùng đã được ban bố tình trạng khẩn cấp về dịch.*

- Căn cứ pháp lý: Điểm b, khoản 5 Điều 12 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Mức xử phạt: Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

14. *Không chấp hành các biện pháp phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, trừ các trường hợp quy định tại các điều 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 và 13 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.*

- Căn cứ pháp lý: Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.

- Mức xử phạt: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

*15. Lợi dụng dịch bệnh để định giá mua, giá bán bất hợp lý đối với thuốc, trang thiết bị y tế, nguyên liệu làm thuốc, nguyên liệu sản xuất trang thiết bị y tế phục vụ phòng, chống dịch bệnh.*

- Căn cứ pháp lý: Khoản 3, khoản 4 Điều 14 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP.
- Mức xử phạt: Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.
- Hình thức xử phạt bổ sung:

+ Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược, chứng chỉ hành nghề dược, đình chỉ hoạt động đối với các cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược trong thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng;

+ Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược, chứng chỉ hành nghề dược, đình chỉ hoạt động đối với các cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược trong thời hạn từ 12 tháng đến 24 tháng trong trường hợp giá trị hàng hóa vi phạm trên 50.000.000 đồng hoặc trường hợp tái phạm.

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hoàn trả cho người mua hoặc người bán toàn bộ số tiền chênh lệch. Trường hợp không hoàn trả được cho khách hàng thì nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

*16. Lợi dụng mạng xã hội để cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân; lợi dụng mạng xã hội để cung cấp, chia sẻ thông tin bịa đặt, gây hoang mang trong Nhân dân, kích động bạo lực, tội ác, tệ nạn xã hội, đánh bạc hoặc phục vụ đánh bạc.*

- Căn cứ pháp lý: Điểm a, d, khoản 1 Điều 101 Nghị định 15/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến điện, công nghệ thông tin và giao dịch điện tử.

- Mức xử phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc gỡ bỏ thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin vi phạm pháp luật do thực hiện hành vi vi phạm.

*17. Bán cao hơn giá niêm yết hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân định giá*

- Căn cứ pháp lý: Khoản 3, khoản 7 Điều 12 Nghị định 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

- Mức xử phạt: Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lại cho khách hàng số tiền đã thu cao hơn giá niêm yết đối với hành vi vi phạm, trường hợp không xác định được khách hàng để trả lại thì nộp vào ngân sách nhà nước.

## **II. Một số lưu ý khi tiến hành xử phạt vi phạm hành chính và chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính**

1. Mức phạt tiền nêu tại Mục I Công văn này là mức phạt tiền đối với cá nhân (*trừ hành vi lợi dụng mạng xã hội để cung cấp, chia sẻ thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc về tình hình dịch bệnh Covid -19; lợi dụng mạng xã hội để cung cấp, chia sẻ thông tin bịa đặt, gây hoang mang trong Nhân dân, kích động bạo lực, tội ác, tệ nạn xã hội, đánh bạc hoặc phục vụ đánh bạc*).

Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

Một người vi phạm có thể bị áp dụng nhiều chế tài xử phạt hành chính khác nhau tùy thuộc hành vi vi phạm do họ thực hiện.

2. Thẩm quyền phạt tiền được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể.

3. Khi thực hiện về xử phạt vi phạm hành chính phải đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn, thời hiệu, mức phạt và các nội dung khác theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Đối với hình thức phạt tiền: Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt.

5. Việc ghi nhận tình tiết giảm nhẹ/tình tiết tăng nặng phải đảm bảo đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 9, 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính và quyền giải trình của cá nhân/tổ chức vi phạm phải phù hợp theo quy định tại Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

6. Áp dụng đúng và đầy đủ các chế tài mà Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính đã quy định đối với hành vi vi phạm hành chính gồm: Hình thức xử phạt (*hình thức xử phạt chính và các hình thức xử phạt bổ sung*) và biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm.

7. Trong quá trình lập biên bản vi phạm hành chính phải áp dụng đúng mẫu biên bản theo quy định; ghi nhận đầy đủ, chính xác các nội dung trong biên bản.

8. Trong trường hợp người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính giao cho cấp phó thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì phải thực hiện giao quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 54 Luật Xử lý vi phạm hành chính; mẫu văn bản giao quyền xử phạt vi phạm hành chính ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ (*Mẫu quyết định số 29*).

9. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó. Người có thẩm quyền xử phạt đã ra quyết định xử phạt có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt của cá nhân, tổ chức bị xử phạt theo quy định tại Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

10. Việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và thi hành quyết định cưỡng chế được thực hiện theo quy định tại Điều 86, 88 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

### **III. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính**

1. Khi xem xét vụ việc vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc trong quá trình thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu hành vi vi phạm được phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự theo quy định tại Điều 62 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Đối với vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính, thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định, cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển các quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm và đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 63 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

### **IV. Về một số hành vi vi phạm pháp luật phổ biến có đủ yếu tố cấu thành tội phạm trong phòng, chống dịch bệnh**

Các hành vi vi phạm liên quan đến phòng, chống dịch Covid-19 nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm sẽ bị xử lý theo quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho

xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, người phạm tội sẽ bị phạt tù và còn có thể bị phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Việc xử lý hình sự được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn tại Công văn số 45/TANDTC-PC ngày 30 tháng 3 năm 2020 về việc hướng dẫn xét xử tội phạm liên quan đến phòng, chống dịch bệnh Covid-19 (*gọi tắt là Công văn số 45/TANDTC-PC*), cụ thể như sau:

1. Người đã được thông báo mắc bệnh; người nghi ngờ mắc bệnh hoặc trở về từ vùng có dịch bệnh Covid-19 đã được thông báo cách ly thực hiện một trong các hành vi sau đây gây lây truyền dịch bệnh Covid-19 cho người khác thì bị coi là trường hợp thực hiện “hành vi khác làm lây lan dịch bệnh nguy hiểm cho người” quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 240 Bộ luật Hình sự và bị xử lý về tội làm lây lan dịch bệnh truyền nhiễm cho người: (a) Trốn khỏi nơi cách ly; (b) Không tuân thủ quy định về cách ly; (c) Từ chối, trốn tránh việc áp dụng biện pháp cách ly, cưỡng chế cách ly; (d) Không khai báo y tế, khai báo không đầy đủ hoặc khai báo gian dối (*điểm 1.1, mục 1 Công văn số 45/TANDTC-PC*).

2. Người chưa bị xác định mắc bệnh Covid-19 nhưng sống trong khu vực đã có quyết định cách ly, quyết định phong tỏa thực hiện một trong các hành vi sau đây gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng trở lên do phát sinh chi phí phòng, chống dịch bệnh thì bị xử lý về tội vi phạm quy định về an toàn ở nơi đông người theo quy định tại Điều 295 Bộ luật Hình sự: (a) Trốn khỏi khu vực bị cách ly, khu vực bị phong tỏa; (b) Không tuân thủ quy định cách ly; (c) Từ chối, trốn tránh việc áp dụng biện pháp cách ly, cưỡng chế cách ly; (d) Không khai báo y tế, khai báo không đầy đủ hoặc khai báo gian dối (*điểm 1.2, mục 1 Công văn số 45/TANDTC-PC*).

3. Chủ cơ sở kinh doanh, người quản lý cơ sở kinh doanh dịch vụ (như quán bar, vũ trường, karaoke, dịch vụ mát-xa, cơ sở thẩm mỹ...) thực hiện hoạt động kinh doanh khi đã có quyết định tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh để phòng chống dịch bệnh Covid-19 của cơ quan, người có thẩm quyền, gây thiệt hại từ 100.000.000 đồng trở lên do phát sinh chi phí phòng, chống dịch bệnh thì bị xử lý về tội vi phạm quy định về an toàn ở nơi đông người theo quy định tại Điều 295 Bộ luật Hình sự (*điểm 1.3, mục 1 Công văn số 45/TANDTC-PC*).

4. Người có hành vi đưa lên mạng máy tính, mạng viễn thông thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật, thông tin xuyên tạc về tình hình dịch bệnh Covid-19, gây dư luận xấu thì bị xử lý về tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Hình sự (*điểm 1.4, mục 1 Công văn số 45/TANDTC-PC*).

5. Người có hành vi đưa trái phép thông tin cá nhân, bí mật đời tư xúc phạm nghiêm trọng nhân phẩm, danh dự của nhân viên y tế, người tham gia phòng,

chống dịch bệnh Covid-19, người mắc bệnh, người nghi ngờ mắc bệnh Covid-19 thì bị xử lý về tội làm nhục người khác theo quy định tại Điều 155 Bộ luật Hình sự (*điểm 1.5, mục 1 Công văn số 45/TANDTC-PC*).

6. Người có hành vi lợi dụng dịch bệnh Covid-19 đưa ra thông tin không đúng sự thật về công dụng của thuốc, vật tư y tế về phòng, chống dịch bệnh nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác thì bị xử lý về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự (*điểm 1.6, mục 1 Công văn số 45/TANDTC-PC*).

7. Người có hành vi đã, đang hoặc nhằm đưa trái phép thuốc, vật tư y tế dùng vào việc phòng, chống dịch bệnh Covid-19 ra khỏi biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm thu lợi bất chính thì bị xử lý về tội buôn lậu theo quy định tại Điều 188 Bộ luật Hình sự (*điểm 1.7, mục 1 Công văn số 45/TANDTC-PC*).

8. Người có hành vi lợi dụng sự khan hiếm hoặc tạo sự khan hiếm giả tạo trong tình hình dịch bệnh Covid-19 để mua vét hàng hóa đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố là mặt hàng bình ổn giá hoặc hàng hóa được Nhà nước định giá nhằm bán lại để thu lợi bất chính thì bị xử lý về tội đầu cơ theo quy định tại Điều 196 Bộ luật Hình sự (*điểm 1.8, mục 1 Công văn số 45/TANDTC-PC*).

9. Người có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác cản trở người thi hành công vụ trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19 thì bị xử lý về tội chống người thi hành công vụ theo quy định tại Điều 330 Bộ luật Hình sự (*điểm 1.9, mục 1 Công văn số 45/TANDTC-PC*).

10. Người có trách nhiệm trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19 nhưng không triển khai hoặc triển khai không kịp thời, không đầy đủ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo quy định gây hậu quả nghiêm trọng thì bị xử lý về tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự (*điểm 1.10, mục 1 Công văn số 45/TANDTC-PC*).

11. Hướng dẫn về áp dụng hình phạt, biện pháp tư pháp và tổ chức xét xử đối với vụ án liên quan đến phòng, chống dịch bệnh Covid - 19 thực hiện theo quy định tại mục 2, 3 Công văn số 45/TANDTC-PC.

## **V. Công tác phổ biến pháp luật về phòng, chống dịch Covid - 19**

Căn cứ văn bản hướng dẫn, triển khai công tác phổ biến pháp luật về phòng, chống dịch Covid - 19 của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh và Sở Tư pháp<sup>(2)</sup>, đề nghị các sở, ban ngành, địa phương tổ chức triển khai thường

---

<sup>2</sup>Văn bản số 205/HDPH ngày 12 tháng 03 năm 2020 của Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh về tăng cường phổ biến pháp luật về phòng, chống dịch bệnh Covid - 19; Văn bản số 198/STP-PBGDPL ngày 12 tháng 03 năm 2020 của Sở Tư pháp về tăng cường phổ biến pháp luật về phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 286/STP-PBGDPL ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Sở Tư pháp về tiếp tục phổ biến các nội dung có



xuyên, liên tục, kịp thời các hoạt động phổ biến pháp luật về công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 thông qua các hình thức phù hợp theo quy định; trong đó, chú trọng công tác truyền thông trên các phương tiện truyền thông, hệ thống loa phát thanh ở cơ sở, Trang Thông tin điện tử của sở, ban ngành, địa phương...; kịp thời đăng tải, giới thiệu, phổ biến nội dung các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn,... của Trung ương và địa phương về phòng, chống dịch Covid-19 đến các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh.

**VI.** Đề nghị các sở, ban ngành, địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, căn cứ nội dung Công văn này và các quy định của pháp luật có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm liên quan đến phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các sở, ban ngành, địa phương phản ánh bằng văn bản về Sở Tư pháp (*qua Thanh tra Sở Tư pháp; số điện thoại: 02603.910.603*) để được xem xét, hướng dẫn hoặc phối hợp, đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- Cục QLXPVPHC và TDTHPL, Bộ Tư pháp (b/c);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (b/c);
- Công an tỉnh;
- Như trên;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (để đăng tin);
- Lãnh đạo Sở;
- Các Phòng, Trung tâm trực thuộc Sở;
- Trang Thông tin điện tử của Sở (để đăng tin);
- Lưu: VT, TTR/STP-ĐVN./.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Y Hòa**